

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Nguyễn Bình Khiêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	230001	Trần Bảo An		27/08/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	8.75	5.00	19.75
2	230002	Trần Bảo An		22/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.25	2.25	3.00	7.50
3	230003	Trần Hoàng Thúy An	x	04/12/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	5.00	4.25	13.50
4	230004	Trần Nguyễn Gia An	x	11/11/2010	THCS Kim Đồng	4.00	4.00	3.75	11.75
5	230005	Lương Nguyễn Hoài An	x	25/06/2010	THCS Tân Hưng	4.75	6.25	3.00	14.00
6	230006	Dương Nguyễn Quỳnh An	x	03/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.75	6.00	4.00	13.75
7	230007	Dương Nguyễn Song An	x	03/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.25	5.75	3.25	12.25
8	230008	Dương Quốc An		01/06/2010	THCS Phước Nguyên	2.50	2.25	2.75	7.50
9	230009	Lê Tấn Bình An		30/06/2010	THCS Phước Nguyên	2.75	3.75	2.00	8.50
10	230010	Phạm Thái An		09/01/2009	THCS Long Toàn	3.50	4.25	4.00	11.75
11	230011	Lê Thị Thúy An	x	26/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	5.00	3.00	12.00
12	230012	Nguyễn Trường An		08/11/2010	THCS Long Toàn	4.50	3.50	4.00	12.00
13	230013	Hoàng Dương Thuỳ Anh	x	30/11/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	4.25	3.25	12.75
14	230014	Vũ Lê Kim Anh	x	01/01/2010	THCS Nguyễn Du	1.25	3.75	4.00	10.50
15	230015	Đỗ Ngọc Minh Anh	x	27/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.75	5.50	5.50	15.75
16	230016	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	x	20/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.00	4.25	7.25	17.50
17	230017	Phan Thị Lan Anh	x	01/02/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	4.25	3.75	14.50
18	230018	Nguyễn Thị Phương Anh	x	14/04/2010	THCS Trương Công Định	4.00	6.75	5.25	16.00
19	230019	Trần Thúy Anh	x	21/09/2010	THCS Phước Hưng	4.00	4.25	3.75	12.00
20	230020	Giang Triệu Anh		02/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.25	3.25	2.25	7.75
21	230021	Nguyễn Tuấn Anh		05/01/2010	THCS Kim Đồng	3.25	4.00	3.00	10.25
22	230022	Nguyễn Viết Tuấn Anh		10/10/2010	THCS Tân Hưng	3.75	6.25	2.50	12.50
23	230023	Nguyễn Ngọc Ánh	x	01/11/2009	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.00	2.75	4.00	10.75
24	230024	Lê Nguyễn Ngọc Ánh	x	16/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.25	4.25	3.00	10.50
25	230025	Vũ Thị Ngọc Ánh	x	07/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.50	6.50	3.75	15.75
26	230026	Nguyễn Ngọc Ân	x	28/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	4.50	3.50	13.00
27	230027	Ngô Phạm Hoàng Ân		11/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	4.75	6.50	16.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
28	230028	Nguyễn Thiên Ân		03/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.50	4.50	4.75	14.75
29	230029	Nguyễn Trọng Ân		17/10/2010	THCS Phước Nguyên	3.25	2.75	2.00	8.00
30	230030	Lê Anh Bảo		05/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	3.75	3.00	11.00
31	230031	Phùng Bảo Bảo		08/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	1.25	2.75	8.75
32	230032	Dương Gia Bảo		13/04/2007	THCS Phước Hưng				1.00
33	230033	Nguyễn Hoài Bảo		12/12/2010	THCS Tân Hưng	6.00	6.00	2.00	14.00
34	230034	Lê Hoàng Gia Bảo		31/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.25	6.75	4.00	16.00
35	230035	Đặng Lê Minh Bảo		22/10/2009	THCS Lê Quang Cường	3.00	6.00	1.75	10.75
36	230036	Nguyễn Lê Thiên Bảo		10/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	7.25	6.50	17.75
37	230037	Phạm Ngọc Bảo		27/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	6.00	4.25	15.00
38	230038	Phạm Nguyễn Bảo		01/10/2009	THCS Phước Hưng	5.75	5.25	5.75	16.75
39	230039	Huỳnh Quốc Bảo		05/07/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	5.25	3.50	15.00
40	230040	Lưu Quốc Bảo		16/03/2010	THCS Long Toàn	6.00	7.50	7.25	20.75
41	230041	Trần Thái Bảo		19/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.50	5.00	3.75	12.25
42	230042	Nguyễn Thiên Bảo		04/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	1.75	2.50	5.25	9.50
43	230043	Vũ Văn Thái Bảo		06/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.00	4.50	4.25	12.75
44	230044	Phạm Ngọc Khánh Bằng	x	24/06/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	6.00	3.00	15.25
45	230045	Nguyễn Vũ Khánh Bằng	x	30/06/2010	THCS Lê Quang Cường	3.50	4.25	2.00	9.75
46	230046	Đinh Văn Bằng		06/09/2009	THCS Dương Văn Mạnh				0.00
47	230047	Đào Phan Thanh Bình		26/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	3.50	3.50	12.50
48	230048	Dương Quốc Bình		01/06/2010	THCS Phước Nguyên	3.50	2.75	1.00	7.25
49	230049	Đoàn Thanh Bình		01/11/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.00	5.00	5.75	15.75
50	230050	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	x	16/10/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.25	5.00	2.50	12.75
51	230051	Phan Minh Châu	x	02/04/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.50	4.25	6.25	13.00
52	230052	Trịnh Nguyễn Bảo Châu	x	10/01/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	6.00	4.50	16.25
53	230053	Nguyễn Phi Chiêu		07/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.75	2.50	5.25	12.50
54	230054	Nguyễn Văn Chiến		26/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	6.75	5.50	18.00
55	230055	Dương Hoàng Chí		06/10/2010	THCS Tân Hưng	5.00	4.25	2.25	12.50
56	230056	Hồ Minh Chí		21/02/2010	THCS Phước Nguyên				0.00
57	230057	Trịnh Văn Chương		26/11/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	6.00	5.25	15.25
58	230058	Phạm Thành Công		28/01/2010	THCS Long Toàn	5.50	6.25	7.25	19.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
59	230059	Lê Cường		26/10/2009	THCS Nguyễn Du	5.50	3.75	6.25	15.50
60	230060	Trần Chí Cường		01/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.50	3.50	3.00	13.00
61	230061	Lương Quốc Cường		08/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.00	3.25	3.75	11.00
62	230062	Huỳnh Công Danh		07/05/2010	THCS Phước Nguyên	5.75	7.50	5.00	18.25
63	230063	Nguyễn Thành Danh		06/12/2010	THCS Lê Quang Cường	3.75	1.75	1.75	7.25
64	230064	Võ Văn Ngọc Danh		26/05/2010	THCS Phước Hưng	5.25	5.75	3.50	14.50
65	230065	Lê Thị Diễm	x	14/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	7.50	2.50	16.25
66	230066	Lê Nguyễn Ngọc Diệp	x	02/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.00	2.50	2.75	7.25
67	230067	Vũ Nguyễn Huyền Diệu	x	15/02/2010	THCS Tân Hưng	5.75	5.25	2.75	13.75
68	230068	Phạm Thị Ngọc Dung	x	03/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.50	3.50	3.75	12.75
69	230069	Trần Anh Duy		30/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.25	3.50	3.00	11.75
70	230070	Lê Đức Duy		21/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.00	4.50	2.25	9.75
71	230071	Nguyễn Hoàng Duy		28/09/2010	THCS Long Toàn	1.25	1.25	3.75	7.25
72	230072	Nguyễn Minh Duy		17/01/2010	THCS Tân Hưng	5.75	6.50	2.25	14.50
73	230073	Lê Nguyễn Phương Duy		08/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	5.75	3.00	14.75
74	230074	Phan Trần Nhật Duy		17/06/2010	THCS Kim Đồng	4.25	2.25	4.25	10.75
75	230075	Lâm Vũ Duy		10/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	3.50	3.75	13.00
76	230076	Lưu Dũng		14/01/2010	THCS Nguyễn Du				0.00
77	230077	Nguyễn Anh Dũng		17/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.25	2.00	3.50	7.75
78	230078	Đỗ Hoàng Dũng		13/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	7.00	4.00	16.25
79	230079	Trần Hoàng Dũng		07/12/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	5.25	4.00	13.25
80	230080	Lê Quang Dũng		08/03/2010	THCS Tân Hưng	5.50	6.00	3.50	15.00
81	230081	Nguyễn Tấn Dũng		02/08/2010	THCS Nguyễn Du	5.00	4.25	3.75	13.00
82	230082	Nguyễn Tiến Dũng		27/10/2010	THCS Phước Nguyên	4.50	2.25	4.25	11.00
83	230083	Nguyễn Dương		16/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	7.25	5.75	18.25
84	230084	Nguyễn Minh Dương		04/04/2010	THCS Lê Quang Cường	2.75	6.25	6.00	15.00
85	230085	Nguyễn Thái Dương		07/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	6.00	2.50	13.50
86	230086	Nguyễn Văn Dưỡng		24/04/2010	THCS Long Toàn	5.25	8.50	3.50	17.25
87	230087	Trần Lê Nhã Đan	x	01/07/2010	THCS Nguyễn Du	6.00	3.50	2.75	12.25
88	230088	Trần Minh Nhất Đại		25/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	5.75	4.75	14.00
89	230089	Võ Quang Đại		15/01/2010	THCS Tân Hưng	5.25	7.00	7.25	19.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
90	230090	Phạm Công Đạt		15/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	7.00	4.00	16.25
91	230091	Huỳnh Hữu Đạt		17/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	6.00	3.25	14.50
92	230092	Vũ Minh Đạt		18/04/2010	THCS Nguyễn Du	3.25	6.75	4.50	14.50
93	230093	Nguyễn Quốc Đạt		30/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	1.25	2.00	1.75	5.00
94	230094	Hồ Thành Đạt		26/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	4.75	2.00	11.75
95	230095	Nguyễn Thành Đạt		22/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh				0.00
96	230096	Nguyễn Tiến Đạt		27/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	6.50	3.50	15.50
97	230097	Nguyễn Văn Đạt		22/11/2010	THCS Phước Hưng	3.00	4.00	3.75	10.75
98	230098	Phan Hải Đăng		01/12/2010	THCS Phước Nguyên	2.75	1.25	3.50	7.50
99	230099	Nguyễn Thanh Điền		14/11/2010	THCS Phước Nguyên	2.25	3.00	3.75	9.00
100	230100	Lý Huỳnh Đông		06/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.75	4.50	3.75	13.00
101	230101	Lưu Nhuận Đông		31/12/2010	THCS Kim Đồng	2.25	2.50	3.75	8.50
102	230102	Triệu Minh Đức		25/01/2010	THCS Tân Hưng	1.25	4.25	2.00	7.50
103	230103	Đào Trung Đức		12/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	6.50	2.75	13.75
104	230104	Lê Hồng Giang		14/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.25	2.00	2.50	7.75
105	230105	Đỗ Huỳnh Hà Giang	x	18/04/2010	THCS Kim Đồng	3.25	5.50	6.00	14.75
106	230106	Nguyễn Sang Giàu		07/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.00	1.50	1.50	4.00
107	230107	Trương Thị Ngọc Giàu	x	25/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.25	5.00	3.75	11.00
108	230108	Phạm Trọng Hào		21/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.75	5.50	4.50	11.75
109	230109	Nguyễn Bá Khánh Hải		05/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.00	2.00	2.00	6.00
110	230110	Nguyễn Huy Hải		13/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.50	6.75	5.25	16.50
111	230111	Nguyễn Huỳnh Phúc Hải		14/08/2010	THCS Tân Hưng	2.25	3.00	4.75	10.00
112	230112	Nguyễn Thanh Hải		22/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.00	8.25	5.25	19.50
113	230113	Lê Nguyễn Minh Hằng	x	11/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.50	5.50	7.75	16.75
114	230114	Lê Thu Hằng	x	23/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.00	8.25	4.50	17.75
115	230115	Huỳnh Bảo Hân	x	23/12/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.50	4.50	1.50	7.50
116	230116	Ông Gia Hân	x	01/04/2010	THCS Kim Đồng	2.75	3.00	4.00	9.75
117	230117	Trần Hoàng Bảo Hân	x	28/01/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.25	1.50	2.75	7.50
118	230118	Mai Kim Hân	x	13/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.25	5.50	3.25	13.00
119	230119	Nguyễn Ngọc Hân	x	03/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	6.75	6.25	18.75
120	230120	Nguyễn Ngọc Hân	x	25/09/2010	THCS Nguyễn Du	4.50	2.50	3.00	10.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
121	230121	Sầm Ngọc Hân	x	26/06/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	5.50	2.25	12.75
122	230122	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	x	08/05/2010	THCS Tân Hưng	3.50	1.50	1.75	6.75
123	230123	Bùi Ngọc Bích Hân	x	13/01/2010	THCS Long Toàn	4.75	4.25	3.00	12.00
124	230124	Nguyễn Ngọc Gia Hân	x	01/05/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.50	3.75	1.75	9.00
125	230125	Lê Trần Gia Hân	x	17/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.50	2.25	2.25	8.00
126	230126	Võ Trần Gia Hân	x	12/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	2.00	2.75	8.75
127	230127	Khru Hải Hậu		21/03/2009	THCS Phước Nguyên	3.50	3.25	4.75	11.50
128	230128	Nguyễn Phan Thành Hậu		27/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.25	2.75	3.75	9.75
129	230129	Lê Thị Diệu Hiền	x	01/05/2010	THCS Phước Nguyên				0.00
130	230130	Lê Thị Ngọc Hiền	x	27/03/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	6.50	3.75	15.75
131	230131	Nguyễn Trịnh Tâm Hiền	x	25/02/2010	THCS Tân Hưng	1.25	2.00	3.25	6.50
132	230132	Nguyễn Minh Hiếu		10/11/2009	THCS Nguyễn Du	3.50	7.00	2.75	13.25
133	230133	Đoàn Nguyễn Duy Hiếu		25/03/2010	THCS Kim Đồng	2.50	0.75	2.00	5.25
134	230134	Trần Quang Hiếu		26/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.25	0.50	2.50	4.25
135	230135	Nguyễn Trọng Hiếu		13/08/2010	THCS Tân Hưng	4.75	6.25	2.00	13.00
136	230136	Lê Trung Hiếu		26/05/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.00	6.00	2.00	12.00
137	230137	Nguyễn Trung Hiếu		01/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.25	2.75	2.00	6.00
138	230138	Trần Võ Trung Hiếu		10/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	5.25	2.50	13.50
139	230139	Dương Ngọc Hoa	x	18/12/2010	THCS Nguyễn Du	5.00	6.50	3.25	14.75
140	230140	Dương Thị Ngọc Hoa	x	01/03/2010	THCS Tân Hưng	3.50	3.25	2.00	8.75
141	230141	Đỗ Huy Hoàng		01/02/2010	THCS Nguyễn Du	2.75	5.50	1.50	9.75
142	230142	Nguyễn Huy Hoàng		23/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.75	2.00	1.50	7.25
143	230143	Trần Huy Hoàng		18/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.50	7.75	2.50	13.75
144	230144	Vũ Hữu Nhật Hoàng		26/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	6.25	6.25	17.75
145	230145	Nguyễn Trọng Hoàng		30/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	7.50	5.25	17.00
146	230146	Lương Vũ Hoàng		27/02/2010	THCS Phước Hưng	3.25	3.75	3.25	10.25
147	230147	Đồng Thị Ánh Hồng	x	18/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	4.00	4.75	13.50
148	230148	Chu Gia Huy		06/10/2010	THCS Lê Quang Cường	3.50	3.25	2.75	9.50
149	230149	Đoàn Gia Huy		06/03/2010	THCS Long Toàn	2.75	6.75	3.00	12.50
150	230150	Võ Gia Huy		13/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.75	2.25	2.75	8.75
151	230151	Trần Hoàng Huy		18/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	5.00	3.75	14.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
152	230152	Trịnh Hoàng Huy		03/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.25	7.25	5.50	15.00
153	230153	Nguyễn Hoàng Minh Huy		11/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	4.75	2.50	12.50
154	230154	Đặng Huỳnh Gia Huy		07/09/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	7.00	7.00	18.75
155	230155	Ngô Minh Huy		29/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.50	0.75	2.25	5.50
156	230156	Nguyễn Minh Huy		22/03/2010	THCS Phước Nguyên	3.50	1.00	1.00	5.50
157	230157	Nguyễn Ngọc Huy		06/08/2008	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.00	0.75	1.75	3.50
158	230158	Trần Nguyễn Nhật Huy		28/11/2010	THCS Phước Hưng	3.75	5.75	4.50	14.00
159	230159	Trần Nguyễn Nhật Huy		28/11/2010	THCS Tân Hưng				0.00
160	230160	Nguyễn Quang Huy		22/05/2010	THCS Lê Quang Cường	2.25	2.50	1.50	6.25
161	230161	Nguyễn Quang Huy		27/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	7.25	1.75	13.50
162	230162	Ngô Văn Huy		08/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	5.25	4.00	14.25
163	230163	Đặng Ngọc Huyền	x	20/01/2010	THCS Long Toàn	5.25	3.50	4.00	12.75
164	230164	Vũ Nguyễn Ngọc Huyền	x	16/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.25	1.75	4.75	9.75
165	230165	Đỗ Thị Bích Huyền	x	02/07/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	2.75	4.25	11.75
166	230166	Phạm Thị Ngọc Huyền	x	30/07/2010	THCS Tân Hưng	5.00	6.75	3.00	14.75
167	230167	Phạm Thành Huynh		16/03/2010	THCS Long Toàn	5.75	5.50	3.25	14.50
168	230168	Nguyễn Đức Huỳnh		04/07/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	2.25	2.50	9.00
169	230169	Thuận Hùng		09/02/2010	THCS Phước Nguyên	1.00	1.25	2.25	4.50
170	230170	Phạm Quốc Hùng		08/05/2010	THCS Lê Quang Cường	1.50	2.25	2.00	5.75
171	230171	Hoàng Đình Hưng		21/06/2010	THCS Lê Quang Cường	1.50	2.00	1.75	5.25
172	230172	Đặng Khánh Hưng		19/03/2010	THCS Phước Nguyên	3.50	3.75	2.50	9.75
173	230173	Phạm Khánh Hưng		22/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	4.25	4.75	13.00
174	230174	Lê Nguyễn Tuấn Hưng		26/08/2010	THCS Kim Đồng	3.25	2.50	2.75	8.50
175	230175	Nguyễn Quốc Hưng		21/11/2009	THCS Kim Đồng	2.25	8.50	5.25	16.00
176	230176	Phạm Tuấn Hưng		10/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.25	5.00	4.00	12.25
177	230177	Vũ Tuấn Kha		03/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	2.00	3.75	10.75
178	230178	Đoàn Bảo Khang		23/08/2010	THCS Lê Quang Cường	4.50	4.00	4.25	12.75
179	230179	Lê Bảo Khang		19/12/2010	THCS Nguyễn Du	4.50	6.50	5.50	16.50
180	230180	Nguyễn Bảo Khang		06/01/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.50	8.50	5.50	18.50
181	230181	Phan Minh Khang		03/01/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	5.75	4.75	16.00
182	230182	Nguyễn Quốc Khang		27/08/2010	THCS Kim Đồng	4.00	3.75	4.75	12.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
183	230183	Trần Trọng Khang		26/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.75	2.25	0.75	5.75
184	230184	Nguyễn Tuấn Khang		01/05/2010	THCS Phước Hưng	2.50	2.75	3.25	8.50
185	230185	Bùi Hoàng Khải		12/03/2009	THCS Phước Hưng	4.25	3.00	2.75	10.00
186	230186	Trương Quyền Khải		28/08/2010	THCS Tân Hưng	3.00	3.25	2.25	8.50
187	230187	Lê Thanh Khải		26/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	0.75	2.00	2.00	4.75
188	230188	Nguyễn Đức Khá		24/01/2010	THCS Tân Hưng	2.00	3.00	1.50	6.50
189	230189	Võ Kim Khánh	x	03/05/2010	THCS Phước Nguyên	3.75	5.25	3.50	12.50
190	230190	Nguyễn Quốc Khánh		02/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	5.75	3.00	13.25
191	230191	Dương Tôn Khánh		28/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.75	3.75	3.75	12.25
192	230192	Phạm Trường Khánh		03/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.00	2.75	2.50	9.25
193	230193	Lê Đăng Khoa		08/12/2010	THCS Nguyễn Du	6.00	5.50	7.75	19.25
194	230194	Nguyễn Đăng Khoa		20/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.00	5.75	2.25	11.00
195	230195	Trần Minh Khoa		25/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.00	4.00	3.75	9.75
196	230196	Mai Nhật Khoa		12/05/2010	THCS Nguyễn Du	0.50	2.50	2.75	5.75
197	230197	Nguyễn Nhật Đăng Khoa		26/11/2009	THCS Nguyễn Du	4.50	5.75	2.75	13.00
198	230198	Nguyễn Trần Đăng Khoa		08/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	4.00	3.00	11.50
199	230199	Trần Tuấn Khoa		14/06/2010	THCS Lê Quang Cường	3.50	6.00	2.50	12.00
200	230200	Nguyễn Xuân Đăng Khoa		03/03/2010	THCS Phước Nguyên	4.00	1.00	2.00	7.00
201	230201	Vũ Hoàng Đăng Khôi		19/10/2010	THCS Nguyễn Du	2.50	3.00	2.75	8.25
202	230202	Trần Minh Khôi		09/01/2010	THCS Kim Đồng	5.00	6.50	4.75	16.25
203	230203	Phạm Hoàng Kim Khuyên	x	16/08/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	4.50	4.50	15.50
204	230204	Nhâm Trung Kiên		22/06/2010	THCS Tân Hưng	4.50	5.25	2.50	12.25
205	230205	Trần Trung Kiên		27/02/2010	THCS Lê Quang Cường	2.25	1.75	2.75	6.75
206	230206	Đoàn Ngô Tuấn Kiệt		07/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	3.25	2.00	9.50
207	230207	Dương Tuấn Kiệt		07/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.00	3.00	2.50	8.50
208	230208	Nguyễn Tuấn Kiệt		19/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	1.25	1.25	2.00	4.50
209	230209	Nguyễn Tuấn Kiệt		16/02/2010	THCS Kim Đồng	5.00	4.50	1.75	11.25
210	230210	Phạm Tuấn Kiệt		29/01/2010	THCS Nguyễn Du	2.75	1.75	2.50	7.00
211	230211	Trần Tuấn Kiệt		19/04/2010	THCS Phước Hưng	4.50	4.00	3.75	12.25
212	230212	Võ Ánh Kim	x	19/06/2010	THCS Trương Công Định	4.25	4.50	4.50	13.25
213	230213	Ôn Thiên Kim	x	19/05/2010	THCS Kim Đồng	6.00	4.50	3.50	14.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
214	230214	Nguyễn Trần Hoàng Kim	x	20/02/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	4.75	5.25	15.75
215	230215	Dương Thị Mỹ Lan	x	27/08/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	4.25	6.25	15.50
216	230216	Đoàn Bá Lâm		28/10/2010	THCS Long Toàn	4.50	5.25	3.50	13.25
217	230217	Trần Bảo Lâm		09/01/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	4.00	5.00	13.00
218	230218	Nguyễn Đức Lâm		20/01/2010	THCS Phước Hưng	5.25	6.50	4.75	16.50
219	230219	Phạm Hoàng Lâm		05/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.50	4.25	6.25	15.00
220	230220	Nguyễn Ngọc Bảo Lâm		30/06/2010	THCS Phước Hưng	1.25	1.00	1.25	3.50
221	230221	Trần Ngọc Mai Lâm	x	13/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.00	7.50	3.25	17.75
222	230222	Trương Hoàng Ngọc Lê	x	05/05/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	7.50	7.00	19.75
223	230223	Nguyễn Thị Ngọc Liên	x	04/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	6.50	4.50	16.00
224	230224	Trần Hồng Linh	x	12/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	5.50	4.75	15.25
225	230225	Ngô Ngọc Khánh Linh	x	01/07/2010	THCS Long Toàn	4.50	4.50	2.50	11.50
226	230226	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	x	22/11/2010	THCS Tân Hưng	4.50	5.00	2.50	12.00
227	230227	Võ Ngọc Thùy Linh	x	22/04/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	5.25	6.00	18.00
228	230228	Trịnh Nguyễn Khánh Linh	x	22/04/2010	THCS Trương Công Định	4.00	4.25	3.75	12.00
229	230229	Huỳnh Nguyễn Yến Linh	x	26/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.00	5.50	2.50	12.00
230	230230	Đào Thị Ngọc Linh	x	31/05/2010	THCS Trương Công Định				1.00
231	230231	Hoàng Thị Ngọc Linh	x	04/05/2010	THCS Trương Công Định	4.50	3.50	5.25	13.25
232	230232	Nguyễn Thị Ngọc Linh	x	25/11/2009	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.75	4.00	2.50	13.25
233	230233	Nguyễn Thị Ngọc Linh	x	27/02/2010	THCS Tân Hưng	4.00	6.50	3.25	13.75
234	230234	Nguyễn Thị Phương Linh	x	18/07/2010	THCS ngoài tỉnh	4.75	2.00	2.00	8.75
235	230235	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	09/09/2010	THCS Tân Hưng	5.25	4.75	2.00	13.00
236	230236	Phạm Thị Thùy Linh	x	13/12/2010	THCS Phước Nguyên	4.75	4.00	1.75	10.50
237	230237	Nguyễn Trần Khánh Linh	x	14/10/2010	THCS Phước Nguyên	7.25	6.75	3.25	17.25
238	230238	Phan Vũ Gia Linh	x	03/03/2010	THCS Lê Quang Cường	2.25	2.00	4.00	8.25
239	230239	Nguyễn Thị Kim Loan	x	02/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.50	5.25	2.50	12.25
240	230240	Trần Quang Long		17/05/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	5.50	3.25	13.00
241	230241	Đoàn Thái Long		24/12/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	7.00	3.25	15.50
242	230242	Nguyễn Trần Bảo Long		06/08/2010	THCS Tân Hưng	5.25	3.00	5.25	13.50
243	230243	Bùi Văn Long		16/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)				0.00
244	230244	Nguyễn Vũ Phi Long		25/11/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.50	4.00	4.25	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
245	230245	Đoàn Thanh Phúc Lộc		11/11/2010	THCS Nguyễn Du				0.00
246	230246	Phan Thiên Lộc		07/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.25	1.75	2.50	6.50
247	230247	Nguyễn Thị Hải Lộc	x	21/09/2010	THCS Phước Nguyên	5.25	4.00	3.50	12.75
248	230248	Châu Hứa Tấn Lợi		02/03/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	6.50	3.00	16.75
249	230249	Đoàn Tấn Lợi		07/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.50	8.75	8.00	23.25
250	230250	Nguyễn Thành Lợi		09/12/2010	THCS Trương Công Định	5.00	4.75	2.25	12.00
251	230251	Quách Vĩnh Lợi		03/11/2010	THCS Kim Đồng	4.50	6.50	2.50	14.50
252	230252	Nguyễn Hữu Luân		08/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	4.50	2.25	12.75
253	230253	Nguyễn Ngọc Minh Luân		12/04/2010	THCS Nguyễn Du	6.00	4.25	2.50	12.75
254	230254	Phạm Gia Luật		02/06/2010	THCS Long Toàn	1.50	1.00	3.25	5.75
255	230255	Trịnh Nguyễn Khánh Ly	x	22/04/2010	THCS Trương Công Định	4.75	1.00	2.50	8.25
256	230256	Nguyễn Thị Ngọc Mai	x	19/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.50	7.25	5.50	20.25
257	230257	Phan Thị Phương Mai	x	09/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	8.50	4.25	18.75
258	230258	Dương Thị Tuyết Mai	x	28/07/2009	THCS Long Toàn				0.00
259	230259	Bùi Thị Xuân Mai	x	10/10/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	6.50	5.75	17.75
260	230260	Lê Văn Mãi		09/07/2010	THCS Lê Quang Cường	1.25	2.25	1.75	5.25
261	230261	Trần Đức Mạnh		30/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	2.50	2.75	10.75
262	230262	Nguyễn Văn Mạnh		10/01/2010	THCS Nguyễn Du	4.75	2.00	2.50	9.25
263	230263	Trần Cao Minh		05/02/2010	THCS Phước Nguyên	4.75	7.50	2.25	14.50
264	230264	Huỳnh Đỗ Quốc Minh		02/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.75	5.50	8.00	17.25
265	230265	Nguyễn Hoàng Khánh Minh		26/10/2010	THCS Nguyễn Du	2.25	2.50	2.00	6.75
266	230266	Nguyễn Huỳnh Khải Minh		28/08/2009	THCS Phước Hưng	2.75	1.00	1.50	6.25
267	230267	Lê Khải Minh		16/01/2009	THCS Lê Quang Cường	1.75	3.00	2.50	7.25
268	230268	Lê Nguyễn Bảo Minh		17/05/2010	THCS Tân Hưng	3.75	3.75	2.75	10.25
269	230269	Võ Nguyễn Bình Minh		22/01/2010	THCS Nguyễn Du	4.75	7.00	5.50	17.25
270	230270	Lê Nguyễn Tuấn Minh		15/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	4.50	5.50	15.75
271	230271	Nguyễn Quốc Minh		01/10/2009	THCS Dương Văn Mạnh	2.00	1.00	1.50	4.50
272	230272	Trần Thanh Minh		22/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	5.75	4.25	14.50
273	230273	Tăng Vũ Nhật Minh		15/08/2009	THCS Kim Đồng	6.00	7.50	8.00	21.50
274	230274	Lê Xuân Minh		27/10/2010	THCS Long Toàn	6.00	7.00	5.50	18.50
275	230275	Lương Diễm My	x	04/09/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	7.50	3.00	16.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
276	230276	Huỳnh Thị Trà My	x	09/11/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.25	1.00	3.25	7.50
277	230277	Hoàng Hải Nam		14/04/2010	THCS Long Toàn	5.75	4.00	3.50	13.25
278	230278	Quách Hải Nam		30/09/2009	THCS Lê Quang Cường	5.25	6.50	5.25	18.00
279	230279	Nguyễn Khắc Nam		12/12/2010	THCS Long Toàn	2.25	3.00	1.00	6.25
280	230280	Hoàng Lê Nam		12/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	6.00	5.00	15.50
281	230281	Trần Phương Nam		07/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.50	1.25	1.50	5.25
282	230282	Phạm Quốc Nam		08/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	0.75	0.75	1.00	2.50
283	230283	Nguyễn Thành Nam		22/04/2010	THCS Phước Hưng	5.00	1.75	5.00	11.75
284	230284	Nguyễn Văn Nam		03/12/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.25	6.25	3.75	15.25
285	230285	Lê Nguyễn Thúy Nga	x	26/08/2010	THCS Tân Hưng	5.50	6.00	3.00	14.50
286	230286	Mã Hồng Kim Ngân	x	08/05/2010	THCS Phước Hưng	6.50	7.50	6.50	20.50
287	230287	Trần Ngọc Kim Ngân	x	21/03/2010	THCS Kim Đồng	7.25	5.00	3.75	16.00
288	230288	Lê Nguyễn Khánh Ngân	x	27/10/2008	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.50	1.75	2.50	6.75
289	230289	Võ Nguyễn Khánh Ngân	x	17/11/2010	THCS Phước Nguyên	2.50	4.50	2.50	9.50
290	230290	Huỳnh Thị Kim Ngân	x	19/06/2010	THCS Long Toàn	4.00	3.75	2.00	9.75
291	230291	Nguyễn Thị Kim Ngân	x	14/07/2010	THCS Nguyễn Du	4.25	6.50	5.00	15.75
292	230292	Nguyễn Thị Kim Ngân	x	19/11/2010	THCS Tân Hưng	5.00	5.25	3.00	13.25
293	230293	Phạm Thị Kim Ngân	x	26/06/2010	THCS Tân Hưng	4.25	7.25	3.25	14.75
294	230294	Võ Thị Kim Ngân	x	18/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	1.75	3.50	2.75	8.00
295	230295	Nguyễn Thị Thanh Ngân	x	20/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	5.50	4.75	15.25
296	230296	Phạm Vũ Thiên Ngân	x	17/03/2010	THCS Kim Đồng	4.50	3.75	3.50	13.25
297	230297	Trần Đại Nghĩa		13/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.00	4.25	5.00	12.25
298	230298	Trương Hiếu Nghĩa		03/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.75	4.75	3.25	10.75
299	230299	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa		14/12/2010	THCS Phước Nguyên	3.00	5.50	2.75	11.25
300	230300	Huỳnh Trung Nghĩa		02/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.75	1.50	1.50	5.75
301	230301	Trần Trung Nghĩa		07/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	8.25	6.75	19.00
302	230302	Nguyễn Văn Nghĩa		10/05/2010	THCS Lê Quang Cường	6.50	7.75	9.50	23.75
303	230303	Lê Bảo Ngọc	x	26/08/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	5.25	4.75	16.50
304	230304	Ngô Bảo Ngọc	x	14/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.50	6.25	5.00	17.75
305	230305	Nguyễn Bảo Ngọc	x	05/02/2010	THCS Kim Đồng	5.50	6.25	4.50	16.25
306	230306	Nguyễn Bảo Ngọc	x	17/08/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	5.50	3.25	14.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
307	230307	Nguyễn Đỗ Như Ngọc	x	26/09/2010	THCS Phước Hưng	6.00	6.75	5.00	17.75
308	230308	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	x	15/01/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	2.75	3.25	12.00
309	230309	Vũ Khánh Ngọc	x	19/09/2010	THCS Long Toàn	3.75	5.75	5.25	14.75
310	230310	Dương Kim Ngọc	x	28/10/2009	THCS Phước Nguyên	4.00	2.25	1.25	7.50
311	230311	Võ Nguyễn Thanh Ngọc	x	27/03/2010	THCS Kim Đồng				0.00
312	230312	Vũ Phạm Bảo Ngọc	x	11/09/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	3.75	2.50	11.00
313	230313	Trần Phương Khánh Ngọc	x	19/12/2010	THCS Kim Đồng	5.25	3.50	4.50	13.25
314	230314	Vũ Thị Ánh Ngọc	x	08/01/2010	THCS Long Toàn	5.25	4.00	1.75	11.00
315	230315	Nguyễn Thị Bích Ngọc	x	10/01/2009	THCS Phước Hưng	5.00	6.50	3.00	14.50
316	230316	Võ Thị Như Ngọc	x	10/03/2010	THCS Tân Hưng	6.00	5.75	3.75	15.50
317	230317	Lê Văn Ngọc		20/10/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	4.25	1.75	11.00
318	230318	Nguyễn Đình Anh Nguyên	x	05/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	5.50	5.50	16.25
319	230319	Trần Gia Nguyên		20/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	4.00	3.75	13.00
320	230320	Nguyễn Hoàng Khánh Nguyên	x	25/04/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.50	2.50	3.75	11.75
321	230321	Huỳnh Lê Kim Nguyên	x	19/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.25	2.50	2.25	8.00
322	230322	Cao Thảo Nguyên	x	27/08/2010	THCS Tân Hưng	6.75	8.00	5.00	19.75
323	230323	Nguyễn Thảo Nguyên	x	13/02/2010	THCS Long Toàn	4.25	1.75	3.25	9.25
324	230324	Nguyễn Hải Nhân		22/02/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	5.50	3.50	15.25
325	230325	Lê Thành Nhân		09/01/2010	THCS Tân Hưng	6.00	3.25	3.75	13.00
326	230326	Nguyễn Thành Nhân		10/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.00	2.50	2.75	6.25
327	230327	Trang Thành Nhân		05/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.75	4.75	3.25	10.75
328	230328	Võ Thành Nhân		02/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	6.75	5.50	16.50
329	230329	Nguyễn Trần Trọng Nhân		14/12/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	4.50	3.00	12.50
330	230330	Nguyễn Lê Minh Nhật		20/07/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	6.75	3.75	15.50
331	230331	Vũ Minh Nhật		28/08/2010	THCS Nguyễn Du	3.00	4.50	4.75	12.25
332	230332	Nguyễn Ngô Minh Nhật		25/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	3.75	3.00	10.75
333	230333	Lê Bảo Nhi	x	27/11/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	5.25	3.75	14.50
334	230334	Đinh Đào Yến Nhi	x	17/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	6.25	2.75	14.00
335	230335	Trần Hải Quế Nhi	x	30/10/2010	THCS Long Toàn	5.25	6.00	5.50	16.75
336	230336	Lê Hoàng Bảo Nhi	x	23/07/2010	THCS Phước Hưng	4.50	2.25	2.25	9.00
337	230337	Lê Huỳnh Yến Nhi	x	29/11/2009	THCS Long Toàn	2.00	3.25	2.75	8.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
338	230338	Đinh Lâm Minh Nhi	x	05/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	6.00	2.00	13.00
339	230339	Phạm Ngọc Phương Nhi	x	01/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	5.00	2.75	12.75
340	230340	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	x	23/07/2010	THCS Nguyễn Du	4.50	6.25	4.50	15.25
341	230341	Trần Ngọc Trúc Nhi	x	20/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.00	1.00	2.75	6.75
342	230342	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	x	03/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.50	8.25	5.75	17.50
343	230343	Võ Ngọc Yến Nhi	x	07/03/2010	THCS Trương Công Định	5.75	2.50	4.00	12.25
344	230344	Hoàng Phương Nhi	x	06/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	6.50	5.00	16.25
345	230345	Đoàn Thiện Thảo Nhi	x	29/08/2010	THCS Phước Hưng	4.00	6.00	5.00	15.00
346	230346	Phạm Thị Tuyết Nhi	x	08/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	7.25	5.00	18.25
347	230347	Nguyễn Thị Yến Nhi	x	16/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.25	5.75	3.50	12.50
348	230348	Bùi Yến Nhi	x	29/11/2010	THCS Long Toàn	2.50	2.25	3.00	7.75
349	230349	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	31/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)				0.00
350	230350	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	x	16/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.75	5.00	3.25	10.00
351	230351	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	x	05/04/2010	THCS Phước Hưng	5.00	4.25	4.75	14.00
352	230352	Vũ Tâm Như	x	26/01/2010	THCS Kim Đồng	5.25	4.50	4.50	14.25
353	230353	Phạm Thanh Quỳnh Như	x	02/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.25	5.50	2.50	12.25
354	230354	Trần Thị Tuyết Như	x	16/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.75	5.00	5.50	15.25
355	230355	Nguyễn Đắc Phát		03/08/2010	THCS Kim Đồng	4.50	5.50	3.25	13.25
356	230356	Võ Gia Phát		09/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	2.75	6.00	13.75
357	230357	Lê Nguyễn Tấn Phát		04/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	5.75	3.50	14.00
358	230358	Huỳnh Tấn Phát		01/01/2007	THCS Long Toàn	1.75	3.25	3.00	8.00
359	230359	Lê Tấn Phát		28/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.50	4.75	3.00	12.25
360	230360	Nguyễn Tấn Phát		01/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.00	6.25	5.25	16.50
361	230361	Nguyễn Tiến Phát		04/02/2010	THCS Nguyễn Du	4.50	5.00	6.25	15.75
362	230362	Nguyễn Đoàn Phi		17/09/2009	THCS Nguyễn Du	3.50	2.00	2.25	7.75
363	230363	Đinh Đại Phong		01/11/2010	THCS Phước Hưng	3.50	5.00	4.75	13.25
364	230364	Huỳnh Minh Phong		11/04/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	6.25	3.75	14.00
365	230365	Lê Thanh Phong		05/01/2010	THCS Tân Hưng	5.00	6.50	3.75	15.25
366	230366	Lê Vũ Phong		20/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.75	2.25	2.50	7.50
367	230367	Nguyễn Gia Phú		29/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.00	3.00	2.50	9.50
368	230368	Hoàng Văn Phú		19/11/2010	THCS Kim Đồng	4.00	4.00	4.25	12.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
369	230369	Lê Văn Phú		06/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.25	0.00	2.25	4.50
370	230370	Hoàng Duy Phúc		17/12/2010	THCS Nguyễn Du	4.00	5.00	2.25	11.25
371	230371	Bạch Duy Thái Phúc		19/08/2010	THCS Kim Đồng	1.25	2.75	2.00	6.00
372	230372	Văn Hoàng Phúc		31/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.50	1.75	2.50	6.75
373	230373	Nguyễn Hồng Phúc	x	29/06/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	3.75	4.75	13.25
374	230374	Lê Hồng Hạnh Phúc	x	09/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	4.25	3.50	12.50
375	230375	Trần Phước Phúc		25/10/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.75	3.00	2.50	7.25
376	230376	Nguyễn Thiên Phúc		10/02/2010	THCS Long Toàn	4.25	4.25	3.75	12.25
377	230377	Nguyễn Văn Thiên Phúc		05/05/2010	THCS Nguyễn Du	6.50	7.75	5.00	19.25
378	230378	Nguyễn Xuân Phúc		26/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.00	3.75	3.00	9.75
379	230379	Vũ Ngọc Phương	x	25/04/2010	THCS Tân Hưng	6.25	6.25	2.25	14.75
380	230380	Đỗ Tấn Phương		12/06/2010	THCS Nguyễn Du	6.25	5.25	1.75	13.25
381	230381	Lý Thanh Phương		26/12/2010	THCS Long Toàn	2.25	4.75	5.00	12.00
382	230382	Nguyễn Thị Mỹ Phương	x	14/01/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.00	1.50	3.50	8.00
383	230383	Phạm Thị Thanh Phương	x	06/11/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.00	6.25	4.25	15.50
384	230384	Trần Công Phước		14/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.25	5.25	3.25	12.75
385	230385	Nguyễn Hà Sơn Phước		08/04/2009	THCS Phước Nguyên	4.00	5.25	2.00	11.25
386	230386	Lê Minh Phước		26/02/2010	THCS Phước Nguyên	2.25	4.50	2.50	9.25
387	230387	Lại Hoàng Quang		30/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	3.25	3.25	12.25
388	230388	Hoàng Nguyễn Đăng Quang		02/09/2010	THCS Kim Đồng	5.25	5.75	3.25	14.25
389	230389	Mai Hoàng Quân		21/12/2010	THCS Long Toàn	4.25	7.50	8.25	20.00
390	230390	Nguyễn Ngọc Quân		15/05/2010	THCS Kim Đồng	1.75	3.00	2.00	6.75
391	230391	Phan Phạm Minh Quân		07/10/2010	THCS Kim Đồng	6.25	4.50	5.25	16.00
392	230392	Nguyễn Anh Quốc		24/12/2010	THCS Tân Hưng	2.50	4.25	2.50	9.25
393	230393	Phạm Anh Quốc		14/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.00	5.25	3.75	14.00
394	230394	Huỳnh Nguyễn Anh Quốc		28/10/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	6.25	6.00	17.75
395	230395	Trần Thanh Quốc		29/06/2010	THCS Lê Quang Cường	5.50	7.00	2.75	15.25
396	230396	Nguyễn Phương Quyên	x	18/01/2010	THCS Kim Đồng	6.25	3.25	4.75	14.25
397	230397	Võ Thị Hồng Quyên	x	31/10/2010	THCS Lê Quang Cường	3.75	5.25	4.00	13.00
398	230398	Nguyễn Thị Thảo Quyên	x	19/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.50	5.25	3.75	12.50
399	230399	Nguyễn Ngô Quyên		22/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.75	6.00	4.00	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
400	230400	Nguyễn Trang Quyền	x	02/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	5.25	2.75	12.50
401	230401	Lê Nguyễn Như Quỳnh	x	26/10/2010	THCS Long Toàn	5.25	4.25	7.00	16.50
402	230402	Nguyễn Như Quỳnh	x	23/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.00	5.75	2.75	14.50
403	230403	Lê Thị Như Quỳnh	x	19/12/2010	THCS Tân Hưng	5.75	8.25	4.50	18.50
404	230404	Ngô Sỹ Quý		24/12/2010	THCS Tân Hưng	3.75	5.00	1.25	10.00
405	230405	Nguyễn Hoàng Sang		07/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	4.50	2.00	11.00
406	230406	Trương Thanh Sang		23/06/2010	THCS Phước Nguyên	4.75	4.00	2.50	12.25
407	230407	Đào Thanh Sơn		23/01/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	5.00	3.75	14.75
408	230408	Lê Anh Tài		18/11/2009	THCS Phước Nguyên	4.00	6.00	4.25	14.25
409	230409	Huỳnh Kỳ Tài		23/11/2010	THCS Nguyễn Du	4.00	6.50	1.50	12.00
410	230410	Vũ Thành Tài		22/02/2010	THCS Kim Đồng	7.25	7.00	5.00	19.25
411	230411	Hoàng Thiên Tài		14/07/2010	THCS Kim Đồng	5.50	5.00	4.00	14.50
412	230412	Nguyễn Vạn Tài		19/04/2010	THCS Kim Đồng	3.50	2.75	3.75	10.00
413	230413	Bùi Bảo Tâm	x	04/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	6.25	3.00	14.00
414	230414	Chu Chí Tâm		23/04/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.75	4.00	3.50	11.25
415	230415	Nguyễn Chí Tâm		06/11/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)				0.00
416	230416	Huỳnh Công Tâm		09/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	5.75	4.50	14.75
417	230417	Trần Minh Tâm		24/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	4.75	4.00	12.75
418	230418	Bùi Nguyễn Duy Tân		14/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	1.50	3.75	9.25
419	230419	Ninh Nhật Tân		07/03/2010	THCS Bàu Lâm	4.50	6.75	8.50	19.75
420	230420	Mai Bảo Thanh		16/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	5.25	4.50	15.50
421	230421	Đoàn Thị Thanh	x	14/04/2009	THCS Long Toàn	5.00	3.50	2.50	11.00
422	230422	Nguyễn Thị An Thanh	x	16/06/2010	THCS Lê Quang Cường	4.25	4.50	4.00	12.75
423	230423	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	x	07/08/2009	THCS Tân Hưng	5.25	6.75	2.75	14.75
424	230424	Nguyễn Thị Thanh Thanh	x	26/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.00	3.00	2.00	6.00
425	230425	Nguyễn Võ Phương Thanh	x	05/01/2010	THCS Kim Đồng	6.00	6.75	3.00	15.75
426	230426	Nguyễn Anh Thành		27/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	7.25	4.75	16.25
427	230427	Nguyễn Chí Thành		25/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	7.25	2.00	13.50
428	230428	Khru Công Thành		24/11/2010	THCS Long Toàn	3.00	4.00	1.75	8.75
429	230429	Trần Công Thành		13/10/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng				0.00
430	230430	Bùi Phước Thành		27/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	3.00	4.00	1.50	8.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
431	230431	Nguyễn Sĩ Thành		20/01/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	7.00	6.00	18.50
432	230432	Nguyễn Ngọc Thảo	x	14/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.00	3.75	3.50	10.25
433	230433	Lê Phương Thảo	x	10/07/2010	THCS Phước Nguyên	1.25	2.00	2.50	5.75
434	230434	Phạm Thanh Thảo	x	22/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.50	2.75	2.00	8.25
435	230435	Đinh Thị Phương Thảo	x	30/08/2010	THCS Phước Nguyên	4.75	4.75	2.50	12.00
436	230436	Nguyễn Quốc Thái		11/10/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	8.50	7.25	21.50
437	230437	Trần Quốc Thái		18/11/2010	THCS Phước Nguyên	2.75	1.00	2.75	6.50
438	230438	Huỳnh Tấn Thái		28/02/2010	THCS Long Toàn	3.25	4.00	3.25	10.50
439	230439	Trần Văn Thái		31/08/2010	THCS Phước Nguyên	2.25	3.25	3.25	8.75
440	230440	Huỳnh Minh Thắng		23/07/2008	THCS Phước Nguyên	4.25	6.00	3.50	13.75
441	230441	Nguyễn Minh Thiện		24/05/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	5.50	3.50	13.75
442	230442	Trần Tâm Thiện		13/01/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	1.50	2.00	7.75
443	230443	Tạ Thái Thiện		24/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.00	5.50	3.00	13.50
444	230444	Nguyễn Hưng Thịnh		08/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	8.00	2.50	15.50
445	230445	Phạm Phúc Thịnh		12/03/2010	THCS Kim Đồng	5.00	6.75	4.50	16.25
446	230446	Võ Phúc Thịnh		26/09/2010	THCS Long Toàn	3.75	7.00	2.25	13.00
447	230447	Nguyễn Phước Thịnh		25/07/2010	THCS Kim Đồng	4.75	2.25	2.75	9.75
448	230448	Nguyễn Sỹ Phú Thịnh		08/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	5.25	2.75	13.50
449	230449	Nguyễn Phúc Thọ		27/04/2009	THCS Phước Nguyên	4.50	5.00	4.25	13.75
450	230450	Nguyễn Bá Thông		20/11/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	4.50	2.75	12.00
451	230451	Võ Thị Ngọc Thu	x	09/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	6.75	3.00	15.50
452	230452	Hồ Hiếu Thuận		13/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	8.75	5.25	18.00
453	230453	Nguyễn Hoàng An Thuận		22/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.75	2.75	3.25	10.75
454	230454	Trịnh Hồ Minh Thuận		23/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	6.00	5.00	16.50
455	230455	Trần Minh Thuận		22/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	5.25	3.75	14.75
456	230456	Diệu Ngọc Thuật		26/03/2010	THCS Kim Đồng	5.00	4.75	5.50	16.25
457	230457	Đinh Linh Thùy		04/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.25	4.50	7.50	15.25
458	230458	Văn Phương Thùy	x	02/02/2010	THCS Kim Đồng	5.75	6.25	3.50	16.50
459	230459	Đỗ Hà Như Thủy	x	17/08/2010	THCS Long Toàn	3.00	4.00	3.00	10.00
460	230460	Phạm Thị Diễm Thúy	x	01/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.25	5.50	3.00	11.75
461	230461	Phạm Anh Thư	x	30/09/2010	THCS Long Toàn	3.50	5.25	2.00	10.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
462	230462	Nguyễn Âu Diễm Thư	x	10/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	5.00	4.50	14.75
463	230463	Khâu Kiều Thư	x	12/07/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	4.25	3.25	13.00
464	230464	Nguyễn Ngọc Hoàng Thư	x	04/11/2010	THCS Lê Quang Cường				0.00
465	230465	Văn Ngọc Kim Thư	x	22/10/2010	THCS Kim Đồng	5.75	2.75	2.75	11.25
466	230466	Trần Nguyễn Anh Thư	x	11/10/2008	THCS Lê Quang Cường				0.00
467	230467	Trần Nguyễn Anh Thư	x	17/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	5.50	3.50	15.00
468	230468	Lê Nguyễn Minh Thư	x	12/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	4.50	2.50	12.75
469	230469	Phạm Nguyễn Minh Thư	x	23/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	6.50	4.25	15.50
470	230470	Phạm Thị Anh Thư	x	07/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.25	2.50	1.50	5.25
471	230471	Vũ Trần Anh Thư	x	11/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	0.00	2.00	1.25	3.25
472	230472	Mai Bảo Thy	x	15/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	4.25	2.00	10.25
473	230473	Nguyễn Mai Bảo Thy	x	23/06/2010	THCS Nguyễn Du	1.50	5.00	3.50	10.00
474	230474	Phạm Mai Phương Thy	x	09/03/2010	THCS Phước Nguyên	2.25	6.50	5.00	13.75
475	230475	Trần Nhật Bảo Thy	x	05/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	7.50	4.50	16.25
476	230476	Trần Thị Anh Thy	x	25/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	6.25	3.50	13.75
477	230477	Trần Nguyễn Ngọc Bảo Tiên	x	29/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.00	5.50	5.50	14.00
478	230478	Nguyễn Thị Nhật Tiên	x	21/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.25	3.75	2.75	8.75
479	230479	Mã Thị Ngọc Tiên	x	15/11/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.25	3.75	2.25	8.25
480	230480	Nguyễn Hoàng Tiến		03/12/2009	THCS Dương Văn Mạnh	3.25	3.75	3.00	10.00
481	230481	Phan Huy Tiến		01/09/2010	THCS Phước Hưng	3.00	2.50	2.25	7.75
482	230482	Nguyễn Hữu Tiến		28/04/2010	THCS Kim Đồng	3.75	5.25	6.25	15.25
483	230483	Trần Minh Tiến		20/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	1.00	3.75	3.75	8.50
484	230484	Võ Thị Hồng Tiến	x	17/01/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.00	6.00	3.25	13.25
485	230485	Nguyễn Văn Tiến		24/09/2008	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.25	5.00	3.75	12.00
486	230486	Nguyễn Thái Toàn		16/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.75	3.50	5.25	12.50
487	230487	Nguyễn Lê Thùy Trang	x	29/09/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.50	7.25	5.75	17.50
488	230488	Phạm Ngọc Thùy Trang	x	01/02/2010	THCS Long Toàn	3.00	1.50	4.75	9.25
489	230489	Trần Phạm Minh Trang	x	24/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.25	4.50	8.25	16.00
490	230490	Nguyễn Thị Huyền Trang	x	24/07/2010	THCS Long Toàn	1.75	3.25	4.50	9.50
491	230491	Nguyễn Thị Huyền Trang	x	14/05/2010	THCS Nguyễn Du	4.25	7.50	2.50	14.25
492	230492	Trần Thị Linh Trang	x	04/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	6.25	4.25	15.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
493	230493	Nguyễn Thị Thùy Trang	x	18/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.00	8.00	5.50	18.50
494	230494	Nguyễn Mai Thảo Trâm	x	13/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.25	5.00	2.75	10.00
495	230495	Trần Ngọc Bảo Trâm	x	02/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	8.00	3.00	15.75
496	230496	Trần Nguyễn Mỹ Trâm	x	13/11/2010	THCS Tân Hưng	3.75	3.50	2.50	9.75
497	230497	Phan Nguyễn Ngọc Trâm	x	17/09/2010	THCS Tân Hưng	5.00	4.75	3.75	13.50
498	230498	Lê Thị Huyền Trâm	x	21/09/2010	THCS Tân Hưng	4.75	7.25	3.75	15.75
499	230499	Châu Thị Ngọc Trâm	x	01/12/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	5.00	2.00	11.25
500	230500	Võ Thùy Trâm	x	09/02/2010	THCS Lê Quang Cường	3.75	6.00	2.00	11.75
501	230501	Trương Mỹ Trân	x	05/01/2010	THCS Kim Đồng	5.75	7.00	6.00	19.75
502	230502	Huỳnh Thị Bảo Trân	x	18/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.75	2.00	1.50	7.25
503	230503	Nguyễn Vũ Tố Trân	x	20/01/2010	THCS Lê Quang Cường	3.50	1.25	1.75	6.50
504	230504	Mai Công Triết		13/10/2010	THCS Long Toàn	2.75	3.50	2.00	8.25
505	230505	Nguyễn Hữu Triết		03/11/2010	THCS Phước Nguyên	5.75	5.25	3.00	14.00
506	230506	Nguyễn Quốc Triệu		24/11/2010	THCS Kim Đồng	4.25	7.00	6.25	17.50
507	230507	Nguyễn Văn Triệu		13/07/2008	THCS Phước Hưng	1.75	2.00	3.00	6.75
508	230508	Nguyễn Bùi Thục Trinh	x	15/12/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	5.75	5.50	3.50	14.75
509	230509	Phan Thị Tuyết Trinh	x	08/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	7.50	2.50	14.75
510	230510	Nguyễn Vũ Diễm Trinh	x	02/04/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.00	6.25	4.25	14.50
511	230511	Võ Minh Trinh		19/02/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	4.50	6.75	3.50	14.75
512	230512	Nguyễn Xuân Trinh		23/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.25	7.75	2.25	15.25
513	230513	Ngô Đức Trí		12/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.50	2.25	3.00	7.75
514	230514	Nguyễn Gia Đức Trí		09/02/2010	THCS Lê Quang Cường	3.50	2.50	5.25	11.25
515	230515	Võ Minh Trí		02/05/2010	THCS Lê Quang Cường	2.75	1.00	3.25	7.00
516	230516	Vũ Minh Trí		23/01/2010	THCS Phước Hưng	4.75	5.25	7.00	17.00
517	230517	Lê Nguyễn Minh Trí		14/05/2010	THCS Phước Hưng	4.00	1.75	2.75	8.50
518	230518	Nguyễn Trọng Trí		10/03/2010	THCS Long Toàn	2.50	4.75	7.50	14.75
519	230519	Lê Trọng		17/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.00	1.25	3.50	7.75
520	230520	Lay Chí Trung		14/01/2010	THCS Tân Hưng	4.25	6.00	7.00	17.25
521	230521	Thạch Lâm Thủy Trúc	x	11/12/2010	THCS Lê Quang Cường	4.25	5.75	3.75	14.75
522	230522	Hà Nguyễn Phương Trúc	x	19/03/2010	THCS Phước Hưng	3.50	1.50	2.00	7.00
523	230523	Nguyễn Thanh Trúc	x	05/11/2010	THCS Phước Nguyên				0.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
524	230524	Vũ Thị Thanh Trúc	x	30/10/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	5.00	3.75	14.00
525	230525	Lê Duy Trường		17/01/2010	THCS Tân Hưng	3.75	6.25	2.25	12.25
526	230526	Nguyễn Phạm Nhật Trường		13/11/2010	THCS Kim Đồng	2.75	2.75	1.75	7.25
527	230527	Phạm Xuân Trường		19/01/2010	THCS Kim Đồng	3.50	6.50	4.50	14.50
528	230528	Phạm Trung Trực		16/08/2010	THCS Tân Hưng	4.25	4.50	3.50	12.25
529	230529	Lê Văn Trực		19/07/2009	THCS Tân Hưng	4.25	7.00	2.75	14.00
530	230530	Quảng Anh Tuấn		29/10/2010	THCS Nguyễn Du	5.00	5.00	2.75	12.75
531	230531	Nguyễn Công Tuấn		09/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.75	3.00	2.50	8.25
532	230532	Phan Ngọc Tuấn		23/12/2010	THCS Tân Hưng	2.75	5.25	3.75	11.75
533	230533	Phạm Thanh Tuấn		19/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	6.00	5.50	16.00
534	230534	Kim Thái Tuấn		08/04/2010	THCS Kim Đồng	1.25	0.75	2.25	5.25
535	230535	Nguyễn Xuân Tuấn		17/08/2010	THCS Long Toàn	3.75	6.50	1.75	12.00
536	230536	Lê Thị Tuyền	x	18/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.50	3.25	2.25	8.00
537	230537	Lê Thanh Tùng		04/05/2010	THCS Phước Nguyên	3.75	1.00	1.75	6.50
538	230538	Hoàng Cẩm Tú	x	19/04/2009	THCS Lê Quang Cường	2.25	1.50	3.25	7.00
539	230539	Hồ Hoàng Anh Tú		22/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	3.00	5.75	4.75	13.50
540	230540	Nguyễn Lê Kim Tú	x	27/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.50	2.00	4.00	10.50
541	230541	Nguyễn Phan Anh Tú	x	17/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.75	0.50	1.75	5.00
542	230542	Đỗ Thiên Tú	x	03/10/2010	THCS Lê Quang Cường	5.00	6.75	3.25	15.00
543	230543	Nguyễn Tuấn Tú		20/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	2.75	4.25	5.00	12.00
544	230544	Trần Văn Tú		10/11/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.25	4.50	2.50	11.25
545	230545	Phạm Huỳnh Cát Tường	x	29/11/2010	THCS Kim Đồng	4.00	5.50	4.00	13.50
546	230546	Trần Kỳ Tường		05/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.00	3.50	2.25	7.75
547	230547	Nguyễn Hoàng Trúc Uyên	x	17/12/2010	THCS Tân Hưng	4.75	5.75	4.00	14.50
548	230548	Phạm Lan Uyên	x	09/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	8.75	6.25	19.25
549	230549	Đinh Kiến Văn		30/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.25	5.50	4.25	15.00
550	230550	Luyện Thị Thùy Vân	x	12/12/2010	THCS Tân Hưng	5.00	4.75	2.25	12.00
551	230551	Nguyễn Thùy Vân	x	04/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	4.25	2.50	11.75
552	230552	Lê Ngọc Phương Vi	x	18/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.50	5.50	4.75	13.75
553	230553	Nguyễn Thị Tường Vi	x	15/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	7.00	3.25	14.50
554	230554	Phạm Hoàng Việt		25/11/2010	THCS Phước Nguyên	3.50	5.50	2.50	11.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
555	230555	Hoàng Vũ Quốc Việt		15/02/2010	THCS Phước Nguyên	5.25	6.75	3.50	15.50
556	230556	Vũ Hoàng Vinh		24/08/2010	THCS Long Toàn	4.00	5.50	1.75	11.25
557	230557	Lê Ngọc Vinh		21/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	4.00	2.50	11.25
558	230558	Bùi Quang Vinh		13/12/2010	THCS Phước Hưng	2.75	1.00	3.25	7.00
559	230559	Nguyễn Trường Vinh		04/01/2010	THCS Kim Đồng	6.00	6.50	7.50	20.00
560	230560	Lê Anh Vũ		30/01/2010	THCS Phước Hưng	4.00	5.00	3.25	12.25
561	230561	Thạch Huỳnh Gia Vũ		26/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.25	3.00	3.25	11.50
562	230562	Lê Trần Hoàng Vũ		09/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	2.50	0.75	8.50
563	230563	Lê Đỗ Thảo Vy	x	01/02/2010	THCS Phước Nguyên	7.00	8.00	5.25	20.25
564	230564	Trần Hoàng Lan Vy	x	19/06/2010	THCS Long Toàn	5.25	4.25	2.75	12.25
565	230565	Võ Lê Thảo Vy	x	23/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	4.00	5.00	15.25
566	230566	Trần Mai Phương Vy	x	20/02/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	6.75	4.25	17.50
567	230567	Võ Ngọc Tường Vy	x	30/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.00	2.00	3.50	8.50
568	230568	Phạm Nguyễn Tường Vy	x	11/05/2010	THCS Kim Đồng	5.25	6.50	3.25	15.00
569	230569	Hồ Thị Tường Vy	x	23/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	7.50	4.75	17.25
570	230570	Nguyễn Vũ Tường Vy	x	04/08/2010	THCS Phước Nguyên	3.25	0.50	2.50	6.25
571	230571	Dương Hải Yến	x	06/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.75	6.25	3.00	16.00
572	230572	Trương Hải Yến	x	05/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.00	8.00	6.50	20.50
573	230573	Lê Hoàng Xuân Yến	x	25/11/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	3.75	1.00	9.00
574	230574	Nguyễn Lê Ngọc Yến	x	01/08/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	4.50	2.50	11.50
575	230575	Đặng Ngọc Yến	x	31/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	3.50	2.50	10.00
576	230576	Đoàn Ngọc Yến	x	01/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	2.50	2.50	1.75	6.75
577	230577	Vũ Nguyễn Xuân Yến	x	16/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.50	4.25	2.75	11.50
578	230578	Lê Thị Kim Yến	x	25/05/2009	THCS Phước Hưng	6.00	4.75	4.50	15.25
579	230579	Lê Thị Kim Yến		25/05/2009	THCS Phước Hưng				0.00
580	230580	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	19/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.50	5.75	2.00	14.25
581	230581	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	21/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	6.00	3.00	15.25

Bảng này có 581 thí sinh. Có 562 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.